

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 4 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Trung
2. Bà Nguyễn Hoa Lài

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2021/TL.ST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D

Địa chỉ: Ấp 4B, xã TH, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Tống Văn T

Địa chỉ: Ấp 4B, xã TH, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông Tống Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào năm 2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách chăm sóc gia đình nên cả hai không tìm được tiếng nói

chung. Từ đó, cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông T nên yêu cầu tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Thu.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Tổng Thành T (nam), sinh ngày 23/10/2016 và cháu Tổng Thành T (nam), sinh ngày 20/8/2019. Hiện nay, các cháu đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông Thu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Tổng Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị D tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trong việc cất nhà nên đến cuối năm 2019 thì bà D tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở Quảng Ngãi sinh sống cho đến nay. Nay, bà D yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông không có lỗi làm gì.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Tổng Thành T (nam), sinh ngày 23/10/2016 và cháu Tổng Thành T (nam), sinh ngày 20/8/2019. Hiện các cháu đang sống chung với bà D. Tuy nhiên, sau khi ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cháu T đến khi thành niên và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu T thì ông đồng ý giao cho bà D nuôi và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Tổng Văn T; Về con chung: Giao cháu Tổng Thành T (nam), sinh ngày 23/10/2016 và cháu Tổng Thành T (nam), sinh ngày 20/8/2019 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông T chưa có nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị D và ông Tống Văn T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, nuôi con và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà D.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Giữa bà D và ông T đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, bà D và ông T xác định có phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Tuy nhiên, ông T cho rằng ông không có lỗi gì đối với bà D nên không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành động viên, hàn gắn cho bà D và ông T nhưng bà D xác định đã không còn tình cảm với ông T nên cương quyết ly hôn. Ngoài ra, đến thời điểm tòa án giải quyết vụ án ông Thu không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà D. Cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông T.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà D và ông T có 02 con chung là cháu Tống Thành T (nam), sinh ngày 23/10/2016 và cháu Tống Thành T (nam), sinh ngày 20/8/2019. Bà D và ông Thu cũng thống nhất giao cháu T cho bà D nuôi dưỡng. Đối với cháu T thì các bên đều có yêu cầu nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay các cháu T và T do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, bà D đảm bảo điều kiện cho cháu T đi học và chăm sóc cháu khỏe mạnh. Quá trình nuôi dưỡng bà D vẫn cho ông T tới lui thăm nom con chung. Ông T cũng xác định các con hiện tại khỏe mạnh, cháu T được đi học. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu T nên giao cháu cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành

niên. Bà D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[3.4] Nợ chung: Không có.

[4] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của bà D cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Tống Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 05/4/2016 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà Nguyễn Thị D và ông Tống Văn T không còn giá trị kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2021.

2. Về con chung: Giao cháu Tống Thành T (nam), sinh ngày 23/10/2016 và cháu Tống Thành T (nam), sinh ngày 20/8/2019 cho bà Nguyễn Thị D nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 (Mười tám) tuổi và cháu T đủ 18 (Mười tám) tuổi. Ông Tống Văn T chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai số 0007490 ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà D đã nộp xong).

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chúc Linh